TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 171/2024/HS-ST.
Ngày: 26-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HS ngày 12/7/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: không), sinh ngày 02/02/1996, tại tỉnh Hậu Giang; nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/10/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14/2023/QĐ-TA với thời gian là 12 tháng, kể từ ngày 14/9/2023; ngày 05/4/2024, bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987, nơi thường trú: Đường N, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1968, nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 10/8/2023, Nguyễn Văn H xin vào làm nhân viên tạp vụ tại cơ sở massage H3, cạnh đường N thuộc khu phố C, phường M, thị xã

(nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương, do chị Nguyễn Thị Đ làm chủ. Trong quá trình làm việc, H thấy các chìa khóa xe mô tô của nhân viên thường được để trong rổ treo chỗ quầy tính tiền thì nảy sinh ý định khi có cơ hội sẽ lấy trộm xe mô tô đem bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/8/2023, H đang quét dọn tại phía trước cơ sở massage H3 thì phát hiện không có người xung quanh nên lén lút đi lại lấy chìa khóa xe hiệu Honda Wave, biển số 83P2-134.43 rồi đi lại mở khóa xe điều khiển chạy đi đến khu vực Ngã tư A thuộc Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bán xe mô tô biển số 83P2-134.43 cho một người không rõ lai lịch (liên lạc qua mạng xã hội Facebook) được 1.600.000 đồng. Sau đó, H sống lang thang ở khu vực Bến xe miền T Thành phố Hồ Chí Minh và tiêu xài hết số tiền bán xe rồi về nhà tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Đến ngày 14/9/2023, H sử dụng trái phép chất ma túy nên bị Công an xã P lập hồ sơ đưa đi Cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện thành phố Cần Thơ.

Ngày 05/9/2023, chị Đ đến Công an phường M trình báo vụ việc mất trộm xe. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra C (nay là thành phố) B thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của H phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án *(bút lục số 63-68)*.

Theo Kết luận định giá tài sản số 136 ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã (nay là thành phố) B, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 83P2-134.43 trị giá 5.800.000 đồng *(bút lục số 69-74)*.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 83P2-134.43 do ông Ngô Ngọc Ẩ (sinh năm 1937, nơi thường trú: ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) đứng tên đăng ký sở hữu. Năm 2020, ông Ẩ giao xe cho con là Ngô Phúc H2 (sinh năm 1990, nơi thường trú: ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) sử dụng. Ngày 15/07/2022, Ngô Phúc H2 đến tiệm cầm đồ Nguyễn L tại địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương cầm cố xe. Đến ngày 03/11/2022, do anh H2 không đến chuộc xe nên ông Nguyễn Tất T1 (sinh năm: 1997, Nơi thường trú: Thôn N, xã V, huyện Ứ, Thành phố Hà Nội) là chủ cơ sở cầm đồ Nguyễn L, đã thanh lý bán xe cho anh Nguyễn Văn N (sinh năm 1991, Nơi thường trú: Thôn E, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước) là đại diện Cửa hàng xe máy Gia Bảo. Đến ngày 08/11/2022, anh Nguyễn Văn N bán xe lại cho anh Lại Văn T2 (sinh năm 1983, Nơi thường trú: Thôn H, xã T, huyện P, Thành phố H). Sau đó, anh T2 giao xe cho vợ là chị Nguyễn Thị Đ sử dụng, quản lý *(bút lục số 87-111)*.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị H1 là mẹ ruột của bị cáo H đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền 5.800.000 đồng. Chị Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H *(bút Lục số 112-113)*.

Bản Cáo trạng số 170/CT-VKSBC ngày 21/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát đã Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "trộm

cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã (nay là thành phố) B, không có ý kiến gì đối với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong.

Bị cáo không tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

[2.2] Theo Kết luận định giá tài sản số 136 ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 83P2-134.43 trị giá 5.800.000 đồng.

[2.3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vì

lười lao động lại thích hưởng thụ nên bị cáo đã liều lĩnh lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[2.4] Hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 83P2-134.43, trị giá 5.800.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng 170/CT-VKSBC ngày 21/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bà Lê Thị H1 là mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường trị giá xe mô tô cho bị hại Nguyễn Thị Đ, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Biện pháp tư pháp: Bà Lê Thị H1 là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Đ số tiền 5.800.000 đồng, bà H1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

3. Về biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an T. Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Công an thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS tp Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Văn Phương

Hội thẩm nhân dânThẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Phương